

Thiền sư Khánh Hòa - vị danh tăng tiên phong trong phong trào chấn hưng PGVN nửa đầu TK XX

ISSN: 2734-9195 13:30 28/03/2026

Thiền sư Khánh Hòa sinh năm Đinh Sửu (1877) tại làng Phú Lễ, tổng Bảo Trị, quận Ba Tri, tỉnh Bến Tre, trong một gia đình trung lưu, nền nếp và có truyền thống Nho học.

Tác giả: **PGS.TS Nguyễn Công Lý**
GVCC Trường Đại học KHXH&NV - ĐHQG TP.HCM

1. Dẫn nhập

Sự nghiệp hoằng dương Phật pháp của thiền sư Khánh Hòa (1877-1947) gắn bó rất chặt chẽ với phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam từ cuối những năm 20 đến đầu những năm 40 của thế kỷ XX. Vì thế bàn về phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX, không thể không vinh danh thiền sư; còn mỗi khi nhắc đến hạnh nghiệp hoằng dương Phật pháp của thiền sư Khánh Hòa không thể không nói đến phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam, bởi ngài là vị danh tăng tiên phong, là người khơi nguồn của phong trào chấn hưng này.

2. Vì sao phong trào chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX được diễn ra?

Đi tìm nguyên nhân và cội nguồn của phong trào, thiết tưởng cần phải đề cập đến hai nhân tố đã ảnh hưởng và tác động trực tiếp để hình thành phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam.

- Một là yêu cầu nội tại của bản thân Phật giáo Việt Nam và xã hội Việt Nam lúc bấy giờ.

Ngược dòng thời gian, sau thời đại Lý - Trần (thế kỷ X- đầu XV) thì Phật giáo bắt đầu thoái trào. Từ nửa cuối thế kỷ XIV, tức thời văn Trần, sang nhà Hồ (1400-

1407) thì Phật giáo không còn nhiệm vụ cố vấn cho triều đình, các nhà sư không còn vai trò chính trị nơi triều nội như trước.

Đến thời nhà Lê sơ (1428-1527) thì Nho giáo độc tôn, nhất là dưới triều vua Lê Thánh Tông (1460-1497), Nho giáo cực thịnh, được Nhà nước bảo trợ. Trong khi đó thì các nhà sư lúc này lui về thiền viện, tự viện chăm sóc phần tâm linh cho nhân dân và Phật tử để tạo nên một Phật giáo nhân gian.

Tình hình này tiếp tục cho đến cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, mặc dù dưới triều nhà Mạc (giai đoạn cường thịnh 1527-1592), rồi Lê trung hưng (Lê - Trịnh, 1533-1788), Phật giáo có khởi sắc đôi chút, chùa chiền được tôn tạo, trùng tu; kinh sách được in ấn, nhưng không được thịnh đạt như ở thời Lý - Trần. Và đặc biệt là trong suốt 500 năm này, như đã nói, Phật giáo không còn vị thế trên chính trường.

Hơn nữa từ nửa cuối thế kỷ XIX cho đến nửa đầu thế kỷ XX, Pháp xâm lược Việt Nam thì gắn liền với chế độ thực dân là Thiên Chúa giáo được Nhà nước thực dân bảo trợ, được coi trọng. Chính thực trạng suy yếu của Phật giáo trong suốt năm thế kỷ này, theo quy luật vận động, Phật giáo muốn phát triển thì cần phải cải cách, đổi mới, chấn hưng, bởi đây là một yêu cầu bức thiết.

Mặt khác, từ cuối thế kỷ XIX đến hai mươi năm đầu thế kỷ XX, các vị khoa bảng trí thức Nho học Việt Nam bấy giờ đã chịu ảnh hưởng tư tưởng từ những tân thư của phương Tây, thông qua các bản dịch Hán văn, Trung văn của các học giả cấp tiến ở Trung Quốc như Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu. Những phong trào cách mạng ở Việt Nam đầu thế kỷ XX như phong trào Đông Du do cụ Phan Bội Châu lãnh đạo, phong trào Duy Tân do cụ Phan Chu Trinh khởi xướng, rồi công cuộc cải cách giáo dục hồi đầu thế kỷ này qua hệ thống nhà trường tân học, mà Đông Kinh nghĩa thực ở Hà Nội chính là những tiền đề ít nhiều đã tác động để dẫn đến phong trào chấn hưng Phật giáo của nước nhà.

- Hai là ảnh hưởng từ phong trào cải cách chấn hưng Phật giáo ở các nước trong khu vực Nam Á và Đông Á.

Tại khu vực Nam Á, cụ thể là ở Tích Lan và Ấn Độ, từ cuối thế kỷ XIX (năm 1891) đến đầu những năm 30 thế kỷ XX (1933), ông David Hewavitarane (1864-1933), người Tích Lan, sau này xuất gia thành Đại đức Dharmapala, trong khoảng bốn thập kỷ, đã kiên trì đứng ra phục hưng Phật giáo Ấn Độ bằng ba việc làm cụ thể:

Một, tái thiết bốn Phật tích, gắn với 4 cái mốc lớn trong cuộc đời của Đức Thế tôn: Vườn Lâm Tỳ Ni (Lumbini Park) nơi đức Phật đản sinh; Bồ Đề đạo tràng

(Buddha Gaya) nơi đức Phật thành đạo; Vườn Lộc Uyển (Vườn Nai – Sarnath) nơi đức Phật giảng bài pháp đầu tiên cho năm anh em ông Kiều Trần Như; và Sa La song thọ (Kusinara) nơi đức Phật nhập Niết bàn. Ông còn tu sửa bốn con đường để dẫn vào bốn Phật tích này.

Hai, thành lập Hội Đại Bồ Đề (The Maha Bodhi Society) tại các đô thị lớn ở Ấn Độ.

Ba, cho xuất bản nguyệt san Đại Bồ Đề (Maha Bodhi Journal), một tạp chí chuyên ngành Phật học để phổ biến giáo lý Phật giáo và công tác Phật sự tại Ấn Độ. Trong thời gian này, ông còn cho thành lập trung tâm Phật học và tu viện Phật giáo. Năm 1908, ông viết thư để liên lạc với cư sĩ Dương Nhân Sơn (1837-1911) ở Trung Hoa mời cộng tác.

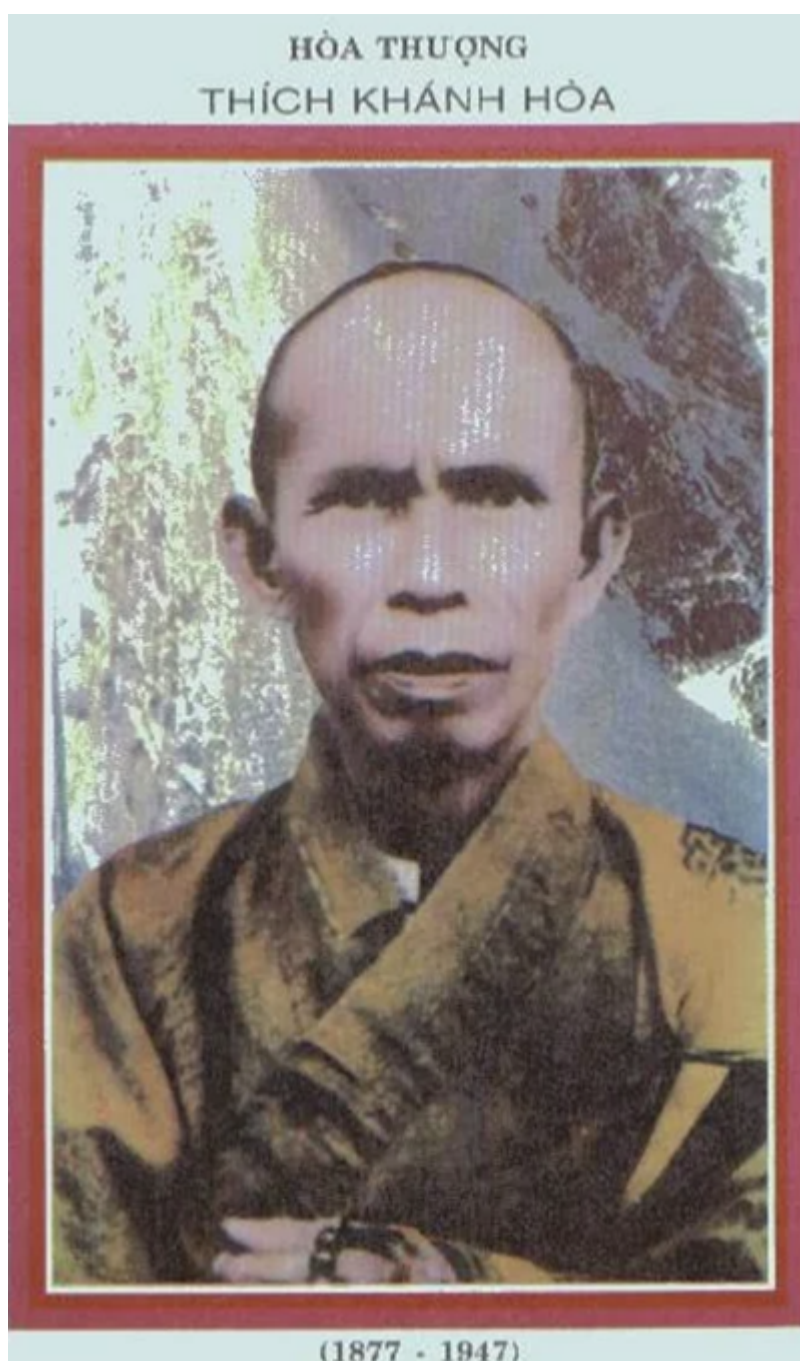
Nối tiếp việc làm của Đại đức Dharmapala, không lâu sau, Tiến sĩ Ambedkar (1891-1956), một Phật tử người Ấn Độ, đã vận động thành lập Hội Phật giáo Ấn Độ (The Indian Buddhist Society), khuyến khích hàng chục triệu người Ấn xuất thân từ giai cấp nô lệ (Paria) quy y theo Phật. Vị Tiến sĩ này còn biên soạn công trình Đức Phật và Giáo pháp của Ngài (The Buddha and His Dhamma) để truyền bá khắp Ấn Độ.

Còn tại khu vực Đông Á, cụ thể là ở Trung Hoa, năm 1913, Thái Hư đại sư đã đề ra chủ trương cải cách Phật giáo, quy định về Giáo lý, Giáo chế, Giáo sản. Bên cạnh đó ngài còn cho thành lập Trung Quốc Phật giáo hội, in ấn kinh sách, xuất bản Hải Triều Âm nguyệt san và tổ chức Phật học viện tại các thành phố lớn như Nam Kinh, Vũ Xương và Thượng Hải.

Ở Nhật Bản, dưới triều đại Duy Tân Minh Trị Thiên Hoàng (1868-1912), Phật giáo Nhật Bản cũng có một số đổi mới như: Về nhân sự trong giáo đoàn quy định chỉ có hai thành phần: Thanh tăng và Tân tăng. Thanh tăng thì không lập gia đình, còn Tân tăng thì được lập gia đình. Do thế, tại xứ sở mặt trời mọc lúc này, tỷ lệ Thanh tăng chỉ có 10%; trong khi đó lực lượng Tân tăng chiếm đến 90%! Về tổ chức, Phật giáo Nhật Bản lúc này chỉ có hai tông phái: Thiền tông và Tịnh độ Chơn tông. Đó là hai tông phái lớn nhất của Phật giáo Nhật Bản hiện nay.

Như vậy, chính các phong trào chấn hưng Phật giáo của ba nước nói trên cùng sự vận động nội tại trong ý thức xã hội của trí thức tiến bộ và nhu cầu cải cách của Phật giáo nước nhà đã tác động không nhỏ đến tâm lý tư tưởng của các vị cao tăng thạc đức và trí thức Phật tử Việt Nam, giúp các vị thêm động lực tiến hành cải cách chấn hưng Phật giáo Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX.

Và thiền sư Khánh Hòa chính là người đầu tiên của Phật giáo Việt Nam hiện đại đã đóng vai trò tiên phong, góp phần hoàn thành sứ mệnh cải cách, chấn hưng Phật giáo mà lịch sử Phật giáo nước nhà giao phó.



Thiền sư Khánh Hòa. Ảnh sưu tầm.

3. Vai trò tiên phong của thiền sư Khánh Hòa trong phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX

3.1. Một vấn nạn về năm sinh của thiền sư

Về quá trình xuất gia và hành trì tu tập, về hạnh nghiệp và công đức của thiền sư Khánh Hòa thì từ trước đến nay đã có nhiều nhà nghiên cứu đề cập và tôn vinh trong các bộ Phật giáo sử Việt Nam và trong các bài viết đăng trên các báo tạp chí, nên ở đây, chúng tôi không nhắc lại nữa, chỉ điểm qua một vài nét khi cần thiết.

Có điều, tôi có một nghi vấn, bởi các tài liệu đã ghi bất nhất về năm sinh của thiền sư cả dương lịch lẫn âm lịch. Ngài sinh năm 1877, 1878 hay 1887? Và năm sinh âm lịch là Mậu Dần hay Mậu Thân? Còn về ngày tháng năm ngài viên tịch thì đã rõ, không phải bàn lại nữa (19 tháng 6 năm Đinh Hợi - 1947, tại chùa Tuyên Linh). Có vấn nạn này là từ các tài liệu sau:

Thích Đồng Bổn (chủ biên) trong Danh Tăng Việt Nam, Tập I, Thành Hội Phật giáo, Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản 1997, ghi: *“Hòa thượng Khánh Hòa thế danh Lê Khánh Hòa, pháp danh Như Trí, pháp hiệu Khánh Hòa, sinh năm Mậu Thân (1877) tại làng Phú Lễ, tổng Bảo Trị, quận Ba Tri, tỉnh Bến Tre”*.

Trần Văn Giàu trên Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử (Viện Sử học) năm 1971 đã công bố bài viết về phong trào chấn hưng trên 2 số liên 139 (tr. 8-21) và 140 (tr. 7-19) thì ghi: *“sinh năm Mậu Thân (1878) tại làng Phú Lễ...”* (NCLS, số 139).

Một tài liệu khác trên trang mạng điện tử được post lên ngày 19/01/2007 thì ghi: *“Hòa thượng Khánh Hòa, pháp danh Như Trí, sinh ngày 22 tháng 4 năm Mậu Dần (1877), tại làng Phú Lễ, tổng Bảo An, quận Ba Tri, nay là xã Phú Lễ, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Ngài tịch năm 1947”*. Nhưng tại đầu đề bài viết thì lại ghi *“Khánh Hoà (1887 - 1947)”*, mà sai sót này có lẽ là do đánh máy nhầm số 77 thành số 87.

Thiền sư Nhất Hạnh tức Nguyễn Lang trong Việt Nam Phật giáo sử luận tập 3, Nxb Văn học, Hà Nội, tái bản, 2000, chỉ ghi năm dương lịch mà không kèm theo năm âm lịch: *“Ông sinh năm 1877 tại làng Phú Lễ tỉnh Bến Tre, xuất gia năm 19 tuổi tại chùa Khải Tường”*.

Tại chùa Tiên Linh (từ năm 1927, thiền sư Khánh Hòa và Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc đổi tên thành chùa Tuyên Linh) thì ở bia mộ tại bảo tháp của thiền sư ghi 1878-1947; và tại bài vị chữ Hán thờ Ngài tại nhà Tổ thì ghi năm sinh là Mậu Dần (1877) và tịch năm Đinh Hợi (1947), bài vị này do đệ tử tạo lập để thờ sau khi Ngài tịch chắc là khoảng vài chục năm; cũng tại nhà Tổ, dưới di ảnh của Ngài lại ghi (1877-1947). Trong khi đó trong văn bản viết tay xin chính quyền Pháp thành lập Hội Nghiên cứu Phật học Nam Kỳ thì Ngài ghi năm sinh là 1877.

Nhưng năm 1877 tính theo âm lịch là năm Mậu Thân hay Mậu Dần? Cả hai tài liệu trên đều ghi sai năm âm lịch khi chuyển từ năm dương lịch sang âm lịch. Bởi năm Mậu Thân theo dương lịch là các năm 1788, 1848, 1908. Còn năm Mậu Dần theo dương lịch là các năm 1818, 1878, 1938.

Nếu chịu khó để ý một chút, ta có thể suy luận từ năm âm lịch sang năm dương lịch. Năm âm lịch tính theo can chi, còn năm dương lịch tính theo số thập phân Ất Rập từ 1 đến 10. Can có thập can, gồm Giáp, Ất, Bính, Đinh... cho đến Nhâm, Quý. Thập can tương ứng với 10 số cuối của hàng đơn vị năm dương lịch. Giáp ứng với số 4, Ất ứng với số 5, Bính ứng với số 6, Đinh ứng với số 7, Mậu ứng với số 8, Kỷ ứng với số 9, Canh ứng với số 0, Tân ứng với số 1, Nhâm ứng với số 2 và Quý ứng với số 3. Từ năm Giáp Tý này đến năm Giáp Tý sau là một hoa giáp với thời gian là 60 năm. Chẳng hạn, năm Nhâm Thìn là ứng với các năm 1892, 1952, 2012, 2072...; Năm Nhâm Tý là ứng với các năm 1852, 1912, 1972, 2032...

Nhiều tài liệu viết về năm sinh của thiền sư theo dương lịch là 1877 hoặc 1878 và năm tịch là 1947, mà số 7 ứng với can Đinh, số 8 ứng với can Mậu. Năm 1877 là Đinh Sửu, năm 1878 là Mậu Dần và năm 1947 là Đinh Hợi. Như vậy, thiền sư Khánh Hòa sinh năm Đinh Sửu (1877) hoặc năm Mậu Dần (1878) và viên tịch năm Đinh Hợi (1947) vào ngày 19 tháng 6 âm tại chùa Tiên Linh (Tuyên Linh) nơi quê nhà. Theo tôi, nên lấy năm sinh là Đinh Sửu (1877) theo thủ bút mà chính Ngài đã ghi trên văn bản trình chính quyền Pháp khi xin phép thành lập Hội Nam kỳ nghiên cứu Phật học, hiện Trung tâm lưu trữ Quốc gia II còn lưu giữ.

Trên đây, trong vài tài liệu đã nêu, dù là chỉ nhầm lẫn rất nhỏ, nhưng thiết nghĩ với tinh thần khoa học, cần phải đính chính lại cho chuẩn xác.

3.2. Những đóng góp và công đức của thiền sư Khánh Hòa trong phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam

Hiện có khá nhiều tài liệu viết về lịch sử Phật giáo Việt Nam hiện đại, về phong trào chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam, mà theo tôi công trình của Nguyễn Lang là một trong số rất ít công trình đã cung cấp những thông tin chính xác, khoa học và tương đối đủ đầy nhất về nội dung đang đề cập.

Theo đó được biết, thiền sư Khánh Hòa sinh năm Đinh Sửu (1877) tại làng Phú Lễ, tổng Bảo Trị, quận Ba Tri, tỉnh Bến Tre, trong một gia đình trung lưu, nền nếp và có truyền thống Nho học. Năm 19 tuổi, ngài xuất gia học đạo tại chùa Khải Tường, rồi chùa Kim Cang ở Tân An và làm lễ thế độ với thiền sư Chánh

Tâm.

Năm năm sau, ngài được đưa về chùa Long Triều và học Phật với thiền sư Đạt Thụy. Y chỉ sư đầu tiên của ngài là thiền sư Chơn Tánh, trú trì chùa Tiên Linh ở Bến Tre. Sau khi đắc pháp ngài được thiền sư Chơn Tánh ủy nhiệm công việc trú trì chùa Khải Tường. Khi thiền sư Chơn Tánh tịch, ngài được điều về làm trú trì chùa Long Phước. Năm 1907 ngài về trú trì chùa Tiên Linh.

Những năm tháng cầu đạo, ngài thường tìm đến các bậc cao tăng thạc đức để thọ giáo. Học giả Nguyễn Lang cho biết: năm hai mươi tám tuổi (Giáp Thìn - 1904), trong kỳ kết hạ tại chùa Long Hoa ở quận Gò Vấp, Gia Định, ngài được mời giảng kinh Kim cương chư gia cho đại chúng. Đây là lần đầu tiên được làm giảng sư Phật học. Ngài được các bậc tôn túc khen ngợi và từ đó tiếng tăm được đồn xa.

Chí nguyện chấn hưng Phật giáo nước nhà của ngài bắt đầu từ những năm 1920.

Năm 1923 trong một buổi họp của đại diện các Tổ đình tại chùa Long Hòa ở Trà Vinh, dưới sự hướng dẫn của thiền sư Khánh Hòa, một tổ chức tăng sĩ được thành lập: Hội Lục hòa liên hiệp với mục đích là vận động thành lập một hội Phật giáo Việt Nam toàn quốc để làm cơ sở chấn hưng Phật giáo. Năm 1927, thiền sư đã cử vị tăng trẻ là Thiện Chiếu ra miền Bắc để vận động cho phong trào. Tại đây, Thiện Chiếu đã tiếp xúc với các vị tôn túc ở Tổ đình Linh Quang, Hồng Phúc, Tiên Lữ v.v..., nhưng gặp nhiều trở ngại, nên cuộc vận động bất thành.

Năm 1928, sau mùa an cư tại Quy Nhơn, thiền sư Khánh Hòa trở về Nam để nghị khởi xướng phong trào ở Nam Kỳ trước. Ngài cùng ba vị tăng sĩ đồng chí là Từ Nhẫn, Chơn Huệ và Thiện Niệm lo tổ chức việc xây dựng Thích học đường và Phật học thư xã tại chùa Linh Sơn, Sài Gòn.

Năm 1929, thiền sư Khánh Hòa và sư Thiện Chiếu vận động giới cư sĩ hữu tâm ở Trà Vinh gửi mua cho Thư xã một bộ Tục Tạng Kinh gồm 750 tập và tàng trữ tại chùa Linh Sơn. Thiền sư còn cho ấn hành một tập san Phật học bằng quốc ngữ lấy tên là Pháp Âm, đặt cơ sở tại chùa Xoài Hột ở Mỹ Tho, bởi tờ báo được xuất bản là dựa trên sự ủng hộ kinh tế của bốn đạo chùa này. Số đầu ra ngày 13/8/1929. Đây là tờ báo quốc ngữ đầu tiên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Nhưng vì nhiều lý do tế nhị, tờ báo này chỉ ra được một số duy nhất thì bị chính quyền thực dân Pháp ra lệnh đình chỉ.

Trong khi công việc vận động xây dựng Thích học đường đang được xúc tiến thì năm 1931, thiền sư Khánh Hòa cùng các bậc tôn túc thành lập một hội Phật học để làm bàn đạp để tiến tới sẽ thành lập Phật giáo Tổng hội. Đó là Hội Nam kỳ nghiên cứu Phật học, trụ sở đặt tại chùa Linh Sơn (Cầu Muối, Quận 1, TP. HCM). Tạp chí Từ bi âm – cơ quan ngôn luận của Hội được ra số đầu tiên vào ngày 01/3/1932.

Có thể nói chùa Linh Sơn là trung tâm đầu não đầu tiên của phong trào chấn hưng. Ngôi chùa này còn là trụ sở của hội Phật giáo đầu tiên trong cả nước: Nam kỳ nghiên cứu Phật học hội (1931).

Cũng tại ngôi chùa Linh Sơn này, thiền sư Khánh Hòa cùng các vị thiền sư Khánh Anh, Huệ Quang, Từ Phong, Pháp Hải... và tu sĩ trẻ Thiện Chiếu đã tổ chức nhiều hoạt động nhằm phục hưng chính tín cho Phật giáo đồ, để tạo nên một Phật giáo mang bản sắc dân tộc. Chấn hưng Phật giáo nhằm vào ba mục tiêu chính là chỉnh đốn tăng già, kiến lập Phật học đường, chuyển kinh sách từ Hán ra Việt ngữ và lưu giữ trong các Pháp bảo phương (thư viện) tại các tự viện lớn.

Hội quan niệm rằng chấn hưng là một nhu cầu bức thiết, chấn hưng là làm cho tăng ni có trình độ Phật học (nội điển), xã hội học (ngoại điển), thông suốt ngũ minh (y phương minh, nội minh, thanh minh, công xảo minh, nhân minh). Chấn hưng Phật giáo nhằm vào ba mục tiêu chính là chỉnh đốn tăng già, kiến lập Phật học đường, chuyển kinh sách từ Hán ra Việt ngữ và lưu giữ trong các Pháp bảo phương (thư viện).

4. Nhận xét chung

Tóm lại, phong trào chấn hưng **Phật giáo Việt Nam** hồi nửa đầu thế kỷ XX được khởi xướng ở Sài Gòn – Gia Định, mà chùa Linh Sơn (Cầu Muối, Quận 1, TP. HCM) là trung tâm đầu não đầu tiên của phong trào. Vị tổ tiên phong khởi xướng phong trào là thiền sư Khánh Hòa. Từ tinh thần chấn hưng tại chùa Linh Sơn, sau đó phong trào mới lan tỏa khắp Sài Gòn Gia Định, ảnh hưởng đến tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (Đông Nam kỳ), rồi đến các tỉnh Vĩnh Long, Long Xuyên, Rạch Giá (Tây Nam kỳ). Từ Nam kỳ lục tỉnh, phong trào lan ra Trung kỳ: Bình Định, Thừa Thiên Huế; rồi Bắc kỳ: Nam Định, Hà Nội, Hải Phòng, mà Hà Nội dù phát triển sau nhưng lại là nơi phong trào chấn hưng Phật giáo kết tinh tỏa sáng bởi tạp chí Đuốc Tuệ (1935-1945).

Gắn liền với phong trào chấn hưng Phật giáo tại các vùng miền là việc thành lập các Hội Phật giáo cùng xuất bản các tờ báo, tạp chí của Phật giáo. Chính báo chí Phật giáo đã góp phần quan trọng trong phong trào chấn hưng Phật giáo ở

Việt Nam. Nhờ báo chí Phật giáo mà tư tưởng giáo lý nhà Phật có nhiều điều kiện để quảng bá, phổ biến sâu rộng hơn trong xã hội lúc bấy giờ, góp phần thúc đẩy cho Phật giáo nước nhà phát triển, hòa với sự phát triển chung của đất nước trong tiến trình vận động để hiện đại hóa đất nước lúc bấy giờ.

Đánh giá về phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam, Mật Thể trong công trình Việt Nam Phật giáo sử lược (1943) có ý kiến: *“ít năm trước ở Bắc cũng có cụ tổ Vĩnh Nghiêm (Thanh Hanh), sư cụ Tổ Các (Phan Trung Thứ), sư cụ Bằng Sở (Dương Văn Hiến); ở Trung có ngài Tâm Tịnh, ngài Huệ Pháp, ngài Phước Huệ; ở Nam có ngài Khánh Hòa thỉnh thoảng mở trường giảng dạy. Nhờ vậy, đạo pháp cũng còn lưu lại ảnh hưởng chút ít.” (...)*

“Nhờ ảnh hưởng chấn hưng Phật giáo ở Trung Hoa mà nước ta lại có phong trào vận động chấn hưng Phật giáo. Những người khởi xướng đầu tiên là ngài Khánh Hòa và sư Thiện Chiếu (sau vì trong công việc vận động phải bị nhiều trở lực, ngài Thiện Chiếu đã tức giận bỏ về tục) cùng các ngài Tăng già, cư sĩ khác lập thành Nam kỳ nghiên cứu Phật học hội (1931) ở Nam. Rồi lần đến Trung kỳ có ngài Giác Tiên, ông Lê Đình Thám (cư sĩ) ban đầu mở đạo trường ở chùa Trúc Lâm, mời ngài Phước Huệ chùa Thập Tháp - Bình Định làm chủ giảng; sau lần đến nhóm cư sĩ lập thành Phật học hội (1932); ở Bắc có sư Trí Hải cùng cụ Nguyễn Năng Quốc và các ngài Đại đức, cư sĩ khác lập Bắc kỳ Phật giáo Tổng hội (1934)”.

Nguyễn Lang trong công trình Việt Nam Phật giáo sử luận (1972, 1973) đã khẳng định: *“Công đầu của phong trào chấn hưng thuộc về thiền sư Khánh Hòa” (...)* *“Trong suốt hai mươi lăm năm trời, Khánh Hòa luôn luôn hăng hái trong công nghiệp phục hưng Phật giáo. Đường lối của ông là một đường lối ôn hòa. Ông thường tránh những cuộc bút chiến và tranh luận. Ông sống rất giản dị. Lúc gần tịch diệt, ông căn dặn chỉ nên tẩm liệm ông với bộ y hậu vải thường, không được dùng vải lụa, không được làm long vị sơn son thếp vàng. Các đồng chí của ông như Huệ Quang, Khánh Anh và Pháp Hải đều rất quý mến ông.”*

Hòa thượng Thích Thiện Hoa trong bài giảng *“Phong trào chấn hưng Phật giáo trên thế giới và ở Việt Nam”* (1970) có viết: *“...phải đợi đến năm 1931, những cố gắng lẻ tẻ mới kết hợp thành lực lượng có tổ chức. Đầu tiên một hội Phật học được thành lập tại Sài gòn lấy tên là Nam kỳ nghiên cứu Phật học; kế đó là Hội Lương Xuyên Phật học. Những vị có công khởi xướng cái tên hội này là Khánh Hòa, Huệ Quang, Khánh Anh cùng một số quý vị tăng già và cư sĩ tân tiến”.*

Bách khoa toàn thư mở Wikipedia cho rằng: *“Phong trào chấn hưng có thể nói được khởi xướng từ thiền sư Khánh Hòa tại miền Nam, thiền sư Phước Huệ tại miền Trung, và thiền sư Thanh Hanh tại miền Bắc. Ba vị được tôn là Tổ của*

phong trào”.

Như vậy, rõ ràng rằng thiền sư Khánh Hòa là vị danh tăng tiên phong khởi xướng phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam hồi nửa đầu thế kỷ XX. Hạnh nguyện và công đức cùng đóng góp của ngài đối với phong trào chấn hưng nói riêng, cho sự phát triển của Phật giáo Việt Nam nói chung đã được sử sách và Giáo hội Phật giáo Việt Nam vinh danh. Ngài là một trong số ít cao tăng thạch đức, là thạch trụ thiền lâm Việt Nam thời hiện đại hồi nửa đầu thế kỷ XX.

Nhân kỷ niệm 140 năm ngày sinh và 70 năm ngày húy kỵ của ngài, bài viết này như là một nén tâm hương xin kính dâng lên ngài với ước nguyện cầu mong Phật giáo luôn trường tồn, Giáo hội Phật giáo Việt Nam luôn phát triển bền vững.

Tài liệu tham khảo:

- 1.Thích Đồng Bổn (chủ biên), Danh Tăng Việt Nam, Tập I, Thành Hội Phật giáo, Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản 1997.
- 2.Trần Văn Giàu, “Phong trào “Chấn hưng Phật giáo” và các vấn đề tư tưởng triết học mà phong trào ấy đã nêu lên ở nước ta trong thời kỳ lịch sử giữa hai cuộc chiến tranh thế giới”, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử (Viện Sử học) số 139-1971 (tr. 8-21) và số 140-1971 (tr. 7-19).
- 3.Thích Thiện Hoa, Phong trào chấn hưng Phật giáo trên thế giới và ở Việt Nam hiện đại, Bài giảng tại Trường cao cấp Phật học Huệ Nghiêm, trước 1970.
- 4.Nguyễn Lang, Việt Nam Phật giáo sử luận, trọn bộ 3 tập, Lá Bối, Sài Gòn xb lần đầu 1973, Nxb Văn học, Hà Nội, tái bản, 2000.
- 5.Mật Thể, Việt Nam Phật giáo sử lược, xb lần đầu 1943, Minh Đức, tái bản, Huế, 1960.
- 6.Một số bài viết về Hòa thượng Khánh Hòa và về phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX trên các trang mạng internet.

Nguồn: Kỷ yếu HTKH “Hòa thượng Khánh Hòa và phong trào chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam”, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam và Viện Nghiên cứu Tôn giáo – Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam đồng tổ chức, tháng 5-2017. NXB Hồng Đức. Hà Nội. 2017. Đăng lại: Đặc san Hoa Đàm, số 45, tháng 6-2017.

Tác giả: **PGS TS Nguyễn Công Lý**

GVCC Trường Đại học KHXH&NV,ĐHQG TP.HCM